

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Ngày 24/10/2018

ASEANSC RESEARCH

## MỤC LỤC

|                                     |    |
|-------------------------------------|----|
| Nhận định thị trường                | 1  |
| I. Thông tin doanh nghiệp           | 1  |
| II. Tin kinh tế trong nước nổi bật  | 1  |
| III. Tin quốc tế nổi bật            | 1  |
| Tổng hợp diễn biến thị trường       | 2  |
| IV. Tổng quan giao dịch NĐT NN      | 2  |
| Tỷ lệ ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index | 3  |
| Phân tích kỹ thuật                  | 4  |
| Biến động chỉ số ngành              | 5  |
| Đầu tư theo nhóm ngành              | 6  |
| Giá hàng hóa thế giới               | 7  |
| Danh mục của CANSLIM                | 8  |
| Báo cáo công ty                     | 9  |
| Báo cáo cập nhật ngành              | 10 |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật          | 11 |
| Lịch sự kiện chứng khoán nổi bật    | 12 |

## I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

### SCR: Trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 7%

SCR - CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín - Ngày 23/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức, ngày đăng ký cuối cùng là 24/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 7%.

### C32: Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%

C32 - CTCP Xây dựng 3-2 - Ngày 23/10, HĐQT đã có quyết định thông qua việc trả cổ tức đợt 1 năm 2018 cho cổ đông bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%. Ngày đăng ký cuối cùng vào 09/11/2018 và thanh toán bắt đầu từ 29/11/2018.

## TỔNG QUAN TTCK QUỐC TẾ

| KHU VỰC | CHỈ SỐ     | +/-       | ĐIỂM      |
|---------|------------|-----------|-----------|
| MỸ      | Dow Jones  | ↓ -125.98 | 25,191.43 |
|         | S&P 500    | ↓ -15.19  | 2,740.69  |
|         | Nasdaq     | ↓ -31.09  | 7,437.54  |
|         | FTSE 100   | ↓ -87.59  | 6,955.21  |
| CHÂU ÂU | DAX        | ↓ -250.06 | 11,274.28 |
|         | CAC 40     | ↓ -85.62  | 4,967.69  |
|         | Nikkei 225 | ↑ 80.40   | 22,091.18 |
| CHÂU Á  | Hang Seng  | ↓ -96.77  | 25,249.78 |
|         | Shanghai   | ↑ 8.47    | 2,603.30  |

(Nguồn: Marketwatch, ASEANSC tổng hợp,...)

Cập nhật ngày 24/10/2018

## BLUECHIPS KÉO VN-INDEX GIẢM GẦN 17 ĐIỂM

### NHẬN ĐỊNH CỦA ASEANSC:

Phiên giao dịch thứ Tư (24/10), chỉ số VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm thứ 5 liên tiếp sau áp lực bán mạnh từ nhóm cổ phiếu Bluechips (BID, VHM, TCB, MSN, CTG,...). Điểm nhấn của thị trường là nhóm cổ phiếu dầu khí (GAS, PVD, PLX,...) khi đồng loạt giảm sâu sau thông tin tiêu cực từ giá dầu.

Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 16,95 điểm (-1,80%), đóng cửa ở mức 922,73. Thanh khoản HSX giảm về gần 150 triệu cổ phiếu, giá trị hơn 3.500 tỷ đồng. Về phía nước ngoài, họ bán ròng hơn 116 tỷ đồng trên HSX, tập trung chủ yếu vào MSN (84,8 tỷ).

Về kỹ thuật, đồ thị VN-Index xuất hiện cây nến đỏ dài với giá đóng cửa là giá thấp nhất trong phiên, là khá tiêu cực. Do đó, chúng tôi cho rằng, trong kịch bản tiêu cực, VN-Index sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần 900 – 920 điểm, vùng hỗ trợ tiếp theo dự báo ở mức 880 - 900 điểm. Trong kịch bản tích cực, chỉ số cho phản ứng phục hồi trở lại thì vùng 940 - 960 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

(\*) Điều kiện sử dụng bản tin và khuyến cáo vui lòng xem trang 12

## II. TIN KINH TẾ TRONG NƯỚC NỔI BẬT

### Việt Nam xuất khẩu giày dép và túi xách lớn thứ 3 thế giới

### Xuất khẩu cá tra sang Mỹ tăng trưởng 3 con số trong hai tháng liên tiếp

### Tỷ giá trung tâm ở mức 22.719 đồng, tăng 2 đồng so với phiên trước đó

Tỷ giá trung tâm ngày (24/10) được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.721 đồng, tăng 2 đồng so với mức công bố sáng hôm qua. Tại Vietcombank, giá USD đang được niêm yết ở mức 23.300 - 23.390 đồng/USD.

### Giá vàng SJC ở mức 36,50 - 36,64 triệu đồng/lượng

Khảo sát lúc 8h30 sáng nay (24/10) giá vàng miếng SJC tại Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC) đang niêm yết ở mức 36,50 - 36,64 triệu đồng/lượng, tăng 40 nghìn đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào - bán ra so với sáng hôm qua.

## III. TIN QUỐC TẾ NỔI BẬT

### Ngày 23/10: Chỉ số Dow Jones giảm 0.5%, xuống 25,191.43 điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, chỉ số Dow Jones giảm 125.98 điểm (tương đương 0.5%) xuống 25,191.43 điểm, chỉ số S&P 500 giảm 15.19 điểm (tương đương 0.55%) còn 2,740.69 điểm và chỉ số Nasdaq Composite giảm 31.09 điểm (tương đương 0.42%) xuống 7,437.54 điểm.

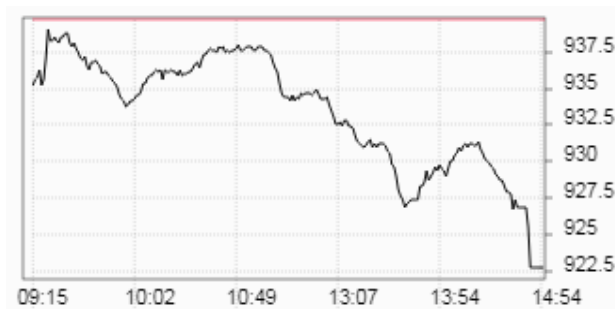
### Ngày 23/10: Dầu WTI giảm 4.2%, xuống 66.43 USD/thùng

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 12 trên sàn Nymex giảm 2.93 USD (tương đương 4.2%) xuống 66.43 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent giao tháng 12 trên sàn Luân Đôn giảm 3.39 USD (tương đương gần 4.3%) còn 76.44 USD/thùng.

Nguồn: ASEANSC tổng hợp;...

**TỔNG HỢP DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**
**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**

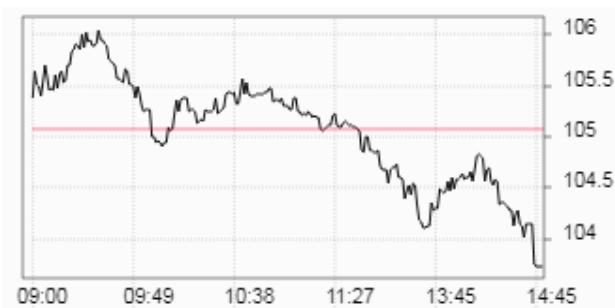
|                   |   |                      |
|-------------------|---|----------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↓ | <b>-16,95/-1,80%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↓ | <b>922.73</b>        |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>149,346,123</b>   |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>3,542.37</b>      |
| Số mã tăng giá    | ↑ | <b>95</b>            |
| Số mã giảm giá    | ↓ | <b>196</b>           |
| Số mã đứng giá    | → | <b>83</b>            |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL        | Thay đổi |
|-----|------|------|------|------|-----------|----------|
| BTT | 40.6 | 40.6 | 40.6 | 40.6 | 10        | ↑ 7.0%   |
| CMX | 9.4  | 9.4  | 9.4  | 9.4  | 107,540   | ↑ 7.0%   |
| ABT | 43.9 | 44   | 44   | 43.9 | 30        | ↑ 6.9%   |
| ASM | 10.3 | 10.9 | 10.9 | 10.2 | 3,697,990 | ↑ 6.9%   |
| HVG | 5.7  | 6.1  | 6.1  | 5.7  | 1,015,280 | ↑ 6.9%   |

**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**

|                   |   |                     |
|-------------------|---|---------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↓ | <b>-1,34/-1,27%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↓ | <b>103.73</b>       |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>38,644,437</b>   |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>508.14</b>       |
| Số mã tăng giá    | ↑ | <b>70</b>           |
| Số mã giảm giá    | ↓ | <b>92</b>           |
| Số mã đứng giá    | → | <b>212</b>          |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL      | Thay đổi |
|-----|------|------|------|------|---------|----------|
| PJC | 37.4 | 37.4 | 37.4 | 37.4 | 100     | ↑ 10.0%  |
| PPY | 12.6 | 14.3 | 14.3 | 12.6 | 838     | ↑ 10.0%  |
| SPI | 1.1  | 1.1  | 1.1  | 1    | 101,000 | ↑ 10.0%  |
| SRA | 77   | 77.4 | 77.4 | 73.3 | 78,740  | ↑ 9.9%   |
| MIM | 24.7 | 24.7 | 24.7 | 24.7 | 100     | ↑ 9.8%   |

**TỔNG QUAN GD NĐTNN**

| TỔNG KL (CỔ PHIẾU) | SÀN HCM         | SÀN HN        |
|--------------------|-----------------|---------------|
| MUA                | 9,954,992       | 998,910       |
| BÁN                | 10,607,662      | 945,700       |
| MUA - BÁN          | <b>-652,670</b> | <b>53,210</b> |

**IV. TỔNG QUAN GD NĐTNN**

Ngày 24/10, khối ngoại bán ròng hơn 116 tỷ đồng trên HOSE và mua ròng hơn 0,2 tỷ đồng trên HNX. Cụ thể, trên sàn HOSE, họ đã mua vào gần 10 triệu cổ phiếu (trị giá hơn 385 tỷ đồng) và bán ra gần 11 triệu cổ phiếu (trị giá hơn 500 tỷ đồng). Trên sàn HNX, họ mua vào gần 1 triệu cổ phiếu (trị giá hơn 17 tỷ đồng) và bán ra gần 1 triệu cổ phiếu (trị giá hơn 17 tỷ đồng).

(Nguồn: HOSE, HNX, ASEANSC tổng hợp:...)

**TỈ LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỈ SỐ VN-INDEX**

Vốn hóa thị trường (Ngày 23/10/2018):

3,017,762.00 tỷ đồng

Giá trị VN-INDEX (Ngày 23/10/2018):

939.68 điểm

Cập nhật ngày 24/10/2018

| Mã CK | Tỷ lệ ảnh hưởng | KL niêm yết   | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-  | %     | KL khớp   | Điểm ảnh hưởng |
|-------|-----------------|---------------|----------------|----------|------|-------|-----------|----------------|
| VIC   | 10.5%           | 3,191,621,230 | 99             | 98.8     | -0.2 | -0.2% | 681,290   | <b>-0.20</b>   |
| VNM   | 7.1%            | 1,741,687,793 | 123.5          | 122.6    | -0.9 | -0.7% | 742,160   | <b>-0.49</b>   |
| GAS   | 6.9%            | 1,913,950,000 | 109.4          | 101.8    | -7.6 | -7.0% | 798,130   | <b>-4.53</b>   |
| VCB   | 6.7%            | 3,597,768,575 | 55.8           | 55.5     | -0.3 | -0.5% | 1,474,260 | <b>-0.34</b>   |
| VHM   | 6.6%            | 2,679,611,550 | 74.1           | 72.5     | -1.6 | -2.2% | 233,830   | <b>-1.34</b>   |
| SAB   | 4.7%            | 641,281,186   | 222.9          | 222      | -0.9 | -0.4% | 54,220    | <b>-0.18</b>   |
| BID   | 4.0%            | 3,418,715,334 | 34.9           | 32.6     | -2.3 | -6.6% | 2,230,710 | <b>-2.45</b>   |
| TCB   | 3.2%            | 3,496,592,160 | 27.8           | 26.5     | -1.3 | -4.7% | 1,535,430 | <b>-1.42</b>   |
| MSN   | 3.0%            | 1,163,149,548 | 77.5           | 75       | -2.5 | -3.2% | 1,772,610 | <b>-0.91</b>   |
| CTG   | 2.9%            | 3,723,404,556 | 23.65          | 23.2     | -0.5 | -1.9% | 3,019,740 | <b>-0.52</b>   |
| HPG   | 2.8%            | 2,123,907,166 | 39.5           | 39.2     | -0.3 | -0.8% | 5,213,790 | <b>-0.20</b>   |
| PLX   | 2.5%            | 1,293,878,081 | 58             | 55.8     | -2.2 | -3.8% | 669,070   | <b>-0.89</b>   |
| VRE   | 2.3%            | 1,901,078,733 | 37             | 36.2     | -0.8 | -2.2% | 1,032,200 | <b>-0.47</b>   |
| VJC   | 2.3%            | 541,611,334   | 127            | 126.8    | -0.2 | -0.2% | 454,880   | <b>-0.03</b>   |
| BVH   | 2.1%            | 700,886,434   | 92             | 93       | 1.0  | 1.1%  | 84,930    | <b>0.22</b>    |
| NVL   | 2.1%            | 907,455,928   | 70.9           | 72.9     | 2.0  | 2.8%  | 987,660   | <b>0.56</b>    |
| VPB   | 1.8%            | 2,423,053,272 | 22.8           | 22.15    | -0.7 | -2.9% | 2,959,850 | <b>-0.49</b>   |
| MBB   | 1.5%            | 2,160,451,381 | 21.4           | 21.05    | -0.4 | -1.6% | 3,211,900 | <b>-0.24</b>   |
| MWG   | 1.3%            | 323,169,521   | 119.5          | 116.5    | -3.0 | -2.5% | 508,800   | <b>-0.30</b>   |
| HDB   | 1.2%            | 980,999,979   | 36             | 35       | -1.0 | -2.8% | 2,303,360 | <b>-0.31</b>   |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, Cophieu68, HOSE)

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



90% cash 10% stocks

Vùng hỗ trợ: 900 - 920 Vùng kháng cự: 940 - 960

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng) Trung hạn (1 - 3 tháng) Dài hạn (>3 tháng)



### HNX-INDEX



90% cash 10% stocks

Vùng hỗ trợ: 100.0 - 102.0 Vùng kháng cự: 104.0 - 106.0

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng) Trung hạn (1 - 3 tháng) Dài hạn (>3 tháng)



#### Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Vn-Index sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất tại 900 - 920 điểm.

#### Khuyến nghị:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Vn-Index được dự báo nằm tại 900 - 920 điểm, đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 900. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 860 - 880 điểm.

Trong kịch bản tích cực, vùng 940 - 960 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 960. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 980 - 1.000 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

#### Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Hnx-Index sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất tại 100.0 - 102.0 điểm.

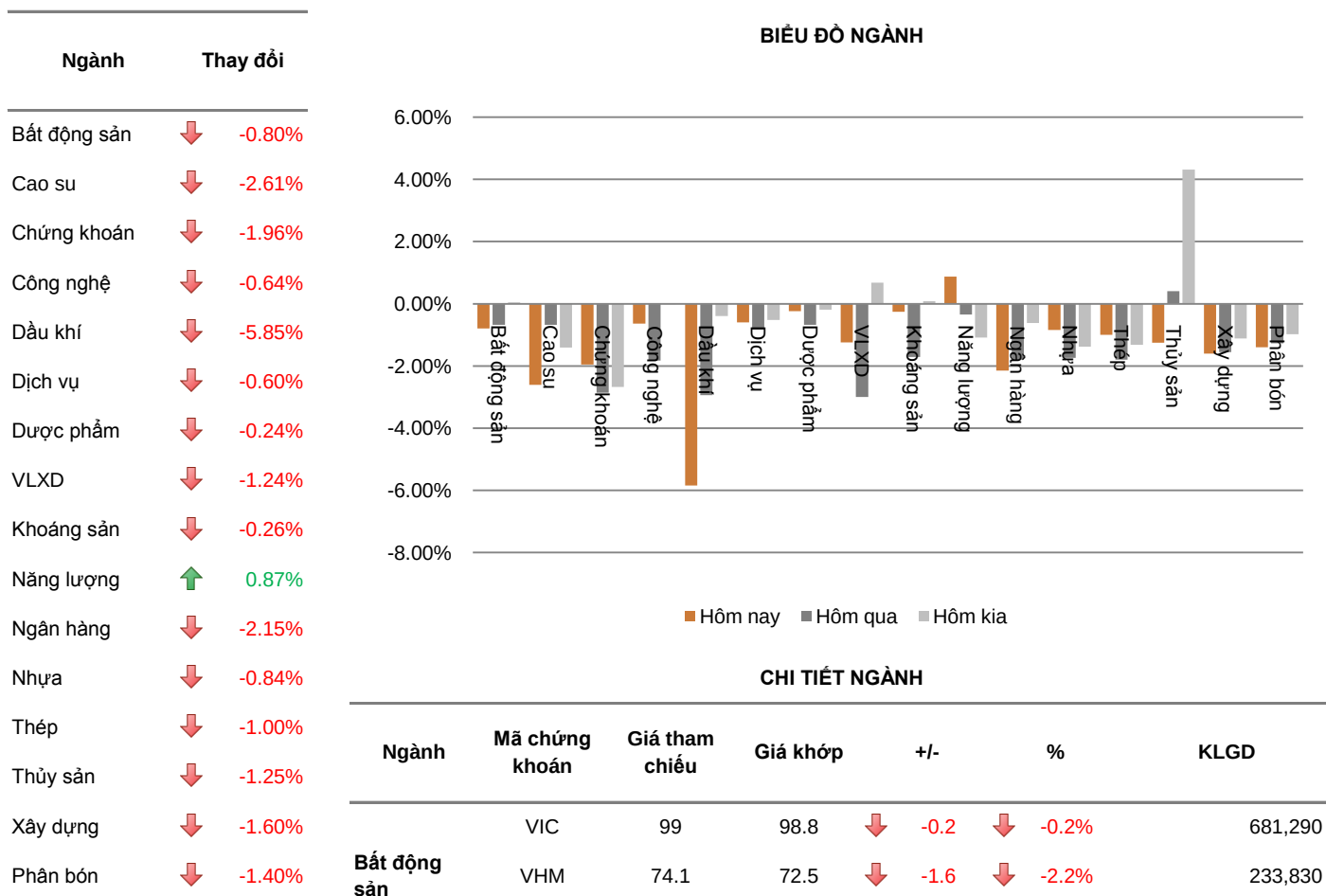
#### Khuyến nghị:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Hnx-Index được dự báo nằm tại 100.0 - 102.0 điểm, đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 100.0. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 96.0 - 98.0.

Trong kịch bản tích cực, vùng 104.0 - 106.0 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 106.0. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 108.0 - 110.0 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

## BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ NGÀNH



## CHI TIẾT NGÀNH

| Ngành        | Mã chứng khoán | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-    | %       | KLGD      |
|--------------|----------------|----------------|----------|--------|---------|-----------|
| Bất động sản | VIC            | 99             | 98.8     | ↓ -0.2 | ↓ -0.2% | 681,290   |
|              | VHM            | 74.1           | 72.5     | ↓ -1.6 | ↓ -2.2% | 233,830   |
|              | VRE            | 37             | 36.2     | ↓ -0.8 | ↓ -2.2% | 1,032,200 |
| Chứng khoán  | SSI            | 29             | 28.3     | ↓ -0.7 | ↓ -2.4% | 4,276,680 |
|              | VCI            | 56             | 55       | ↓ -1.0 | ↓ -1.8% | 106,800   |
|              | HCM            | 56             | 54.6     | ↓ -1.4 | ↓ -2.5% | 73,250    |
| Dầu khí      | GAS            | 109.4          | 101.8    | ↓ -7.6 | ↓ -7.0% | 798,130   |
|              | PLX            | 58             | 55.8     | ↓ -2.2 | ↓ -3.8% | 669,070   |
|              | BSR            | 16.5           | 15.9     | ↓ -0.6 | ↓ -3.6% | 2,476,400 |
| Ngân hàng    | VCB            | 55.8           | 55.5     | ↓ -0.3 | ↓ -0.5% | 1,474,260 |
|              | BID            | 34.9           | 32.6     | ↓ -2.3 | ↓ -6.6% | 2,230,710 |
|              | TCB            | 27.8           | 26.5     | ↓ -1.3 | ↓ -4.7% | 1,535,430 |
| Thép         | HPG            | 39.5           | 39.2     | ↓ -0.3 | ↓ -0.8% | 5,213,790 |
|              | TVN            | 9.1            | 9.1      | → 0.0  | → 0.0%  | 13,500    |
|              | HSG            | 10.3           | 9.9      | ↓ -0.4 | ↓ -3.9% | 5,547,080 |

Cập nhật ngày 24/10/2018

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp;...)

## ĐẦU TƯ THEO NHÓM NGÀNH

| Ngành        | Biến động tuần (%) | Cổ phiếu nổi bật        | Triển vọng 2018 |
|--------------|--------------------|-------------------------|-----------------|
| Bất động sản | ↓ -2.64%           | VIC, PDR, DIG, DXG, SCR | Khả quan        |
| Cao su       | ↓ -3.43%           | CSM, DRC, SRC           | Trung lập       |
| Chứng khoán  | ↓ -9.02%           | HCM, SSI, VND           | Khả quan        |
| Công nghệ    | ↓ -3.73%           | FPT, CMG, ELC           | Khả quan        |
| Dầu khí      | ↓ -12.74%          | GAS, PVD, PVS           | Khả quan        |
| Dịch vụ      | ↓ -3.08%           | PAN, SKG, VNG, DSN      | Khả quan        |
| Dược phẩm    | ↓ -2.14%           | DCL, DHG, DMC, IMP      | Khả quan        |
| VLXD         | ↓ -6.51%           | HT1, BCC                | Trung lập       |
| Khoáng sản   | ↑ 0.81%            | NBC, TC6, TCS, TDN      | Trung lập       |
| Năng lượng   | ↓ -1.43%           | BTP, PPC, VSH, NT2      | Khả quan        |
| Ngân hàng    | ↓ -5.73%           | VCB, BID, CTG, MBB, SHB | Khả quan        |
| Nhựa         | ↓ -6.21%           | BMP, NTP, AAA           | Trung lập       |
| Thép         | ↓ -4.73%           | HPG, HSG, VGS, NKG      | Trung lập       |
| Thủy sản     | ↑ 2.60%            | FMC, HVG, IDI, VHC      | Trung lập       |
| Xây dựng     | ↓ -4.90%           | CTD, VCG, HBC           | Trung lập       |
| Phân bón     | ↓ -3.64%           | DCM, DPM, BFC, LAS      | Trung lập       |

Cập nhật ngày 24/10/2018

**GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI**

| Năng lượng  | Giá hiện tại | Thay đổi |          |           |        | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|-----------|--------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng   | 1 Năm  |                    |
| Crude Oil   | 66.4723 ↓    | -0.12% ↓ | -4.69% ↓ | -8.02% ↑  | 27.40% | 24/10/2018         |
| Brent       | 76.0345 ↓    | -0.72% ↓ | -5.00% ↓ | -7.11% ↑  | 30.13% | 24/10/2018         |
| Natural gas | 3.1883 ↓     | -0.62% ↓ | -3.97% ↑ | 3.45% ↑   | 9.22%  | 24/10/2018         |
| Gasoline    | 1.8202 ↓     | -0.94% ↓ | -5.04% ↓ | -11.89% ↑ | 5.02%  | 24/10/2018         |
| Heating oil | 2.2447 ↓     | -0.34% ↓ | -2.86% ↓ | -2.61% ↑  | 23.48% | 24/10/2018         |
| Ethanol     | 1.2611 ↓     | -0.55% ↓ | -1.48% ↓ | -0.31% ↓  | -9.66% | 24/10/2018         |

| Kim loại  | Giá hiện tại | Thay đổi |          |         |         | Thời gian cập nhật |
|-----------|--------------|----------|----------|---------|---------|--------------------|
|           |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng | 1 Năm   |                    |
| Palladium | 828.7 ↓      | -0.22% ↑ | 5.82% ↑  | 6.62% ↑ | 17.77%  | 24/10/2018         |
| Gold      | 1,230.2 ↑    | 0.07% ↑  | 0.60% ↑  | 2.39% ↓ | -3.72%  | 24/10/2018         |
| Silver    | 14.8 ↑       | 0.32% ↑  | 1.35% ↑  | 2.68% ↓ | -12.44% | 24/10/2018         |
| Platinum  | 828.7 ↓      | -0.22% ↓ | -0.34% ↑ | 0.74% ↓ | -9.92%  | 24/10/2018         |

| Nông nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Tea         | 3.4 →        | 0.00% ↑  | 2.13% ↑  | 4.67% ↓  | -2.33%  | 24/10/2018         |
| Sugar       | 13.8 ↓       | -0.22% ↑ | 0.36% ↑  | 33.01% ↓ | -2.82%  | 24/10/2018         |
| Neodymium   | 407,500.0 →  | 0.00% →  | 0.00% →  | 0.00% ↓  | -23.11% | 24/10/2018         |
| Live Cattle | 112.8 ↓      | -0.02% ↑ | 0.11% ↑  | 0.53% ↓  | -0.22%  | 24/10/2018         |
| Cocoa       | 2,193.0 ↑    | 0.27% ↓  | -1.48% ↓ | -0.09% ↑ | 5.48%   | 24/10/2018         |
| Oat         | 293.3 ↓      | -1.35% ↓ | -0.67% ↑ | 14.11% ↑ | 6.16%   | 24/10/2018         |
| Soybeans    | 853.2 ↓      | -0.32% ↓ | -3.65% ↑ | 0.91% ↓  | -12.51% | 24/10/2018         |
| Wheat       | 503.5 ↓      | -1.28% ↓ | -2.62% ↓ | -3.22% ↑ | 15.72%  | 24/10/2018         |
| Cotton      | 78.9 ↓       | -0.18% ↑ | 1.19% ↓  | -1.94% ↑ | 13.76%  | 24/10/2018         |
| Rice        | 10.8 ↓       | -0.14% ↓ | -0.60% ↑ | 10.07% ↓ | -9.61%  | 24/10/2018         |
| Cheese      | 1.6 ↓        | -0.13% ↓ | -0.63% ↓ | -5.08% ↓ | -8.78%  | 24/10/2018         |
| Palm Oil    | 2,097.0 ↓    | -1.18% ↓ | -2.74% ↓ | -2.37% ↓ | -24.54% | 24/10/2018         |
| Milk        | 15.5 ↓       | -0.13% ↓ | -0.77% ↓ | -4.09% ↓ | -6.75%  | 24/10/2018         |
| Rubber      | 145.0 ↑      | 1.05% ↓  | -8.11% ↓ | -1.36% ↓ | -24.75% | 24/10/2018         |

| Công nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Oat         | 293.3 ↓      | -1.35% ↓ | -0.67% ↑ | 14.11% ↑ | 6.16%   | 24/10/2018         |
| Copper      | 2.8 ↑        | 0.40% ↓  | -0.51% ↓ | -1.80% ↓ | -13.20% | 24/10/2018         |
| Steel       | 4,567.0 ↑    | 0.15% ↑  | 1.24% ↑  | 0.68% ↑  | 19.52%  | 24/10/2018         |
| Coal        | 110.5 ↓      | -0.46% ↑ | 2.22% ↓  | -1.82% ↑ | 14.16%  | 24/10/2018         |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, tradingeconomics.com)

**DANH MỤC CỦA CANSLIM**
**CÁC KHUYẾN NGHỊ CÒN MỞ TRẠNG THÁI**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ghi chú |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|---------|
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | #DIV/0!         |            |         |

**CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG TRONG THÁNG**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ngày đóng TT |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|--------------|
| VNM         | Mua     | Đóng       | 115.0       | 138.0        | 140.0        | 21.7%            | 20.0%           | 27/01/2016 | 17/03/2016   |
| BTP         | Mua     | Đóng       | 11.4        | 15.8         | 15.3         | 34.2%            | 38.6%           | 16/02/2016 | 25/03/2016   |
| INN         | Mua     | Đóng       | 36.0        | 49.8         | 49.0         | 36.1%            | 38.3%           | 19/01/2016 | 13/04/2016   |
| KBC         | Mua     | Mở         | 13.1        | 15.0         | 15.5         | 18.3%            | 14.5%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BPC         | Mua     | Mở         | 12.4        | 17.5         | 20.0         | 61.3%            | 41.1%           | 20/01/2016 | 08/06/2016   |
| PMC         | Mua     | Mở         | 49.0        | 60.7         | 72.4         | 47.8%            | 23.9%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BCC         | Mua     | Mở         | 14.8        | 19.1         | 18.4         | 24.3%            | 29.1%           | 19/12/2016 | 20/02/2017   |
| HVT         | Mua     | Mở         | 19.5        | 27.8         | 25.0         | 28.2%            | 42.6%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| NLG         | Mua     | Mở         | 21.8        | 26.8         | 27.8         | 27.5%            | 22.7%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| VNM         | Mua     | Mở         | 124.6       | 151.7        | 150.0        | 20.4%            | 21.7%           | 20/12/2016 | 29/05/2017   |
| DVN         | Mua     | Mở         | 16.1        | 27.7         | 28.0         | 73.9%            | 72.0%           | 14/11/2017 | 24/01/2018   |
| PGC         | Mua     | Mở         | 13.5        | 17.2         | 24.1         | 78.5%            | 27.4%           | 04/05/2017 | 05/02/2018   |
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | 32.7%           |            |              |

Cập nhật ngày 24/10/2018



**BÁO CÁO CÔNG TY (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên công ty | Ngày phát hành | Khuyến nghị    | Giá mục tiêu         | Chi tiết  |
|-------------|----------------|----------------|----------------------|-----------|
| DVN         | 05/04/2018     | Mua [+82%]     | 33.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| SHB         | 26/02/2018     | Nắm giữ [-5%]  | 12.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| IJC         | 15/11/2017     | Mua [+30%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| NTL         | 14/11/2017     | Mua [+24%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VPB         | 17/08/2017     | Mua [+26%]     | 49.200 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DRC         | 27/07/2017     | Bán [-21%]     | 21.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LTG         | 26/07/2017     | Bán [-19%]     | 44.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VGC         | 27/06/2017     | Nắm giữ [-8%]  | 17.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LIC         | 31/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| VGC         | 25/05/2017     | Mua [+41%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CTF         | 23/05/2017     | Nắm giữ [+9%]  | 13.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CDN         | 22/05/2017     | Mua [+29%]     | 30.800 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DP2         | 19/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| DVN         | 18/05/2017     | Mua [+282%]    | 39.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CSV         | 10/05/2017     | Mua [+69%]     | 50.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TRC         | 09/05/2017     | Nắm giữ [+8%]  | 31.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| PGC         | 28/04/2017     | Mua [+81%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TMT         | 21/04/2017     | Nắm giữ [+3%]  | 13.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VTG         | 23/03/2017     | Mua [+29%]     | 14.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DIG         | 23/03/2017     | Nắm giữ [+0%]  | 9.100 đồng/cổ phiếu  | Tài xuống |
| TMT         | 20/03/2017     | Mua [+42%]     | 18.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CMC         | 20/03/2017     | Mua [+160%]    | 13.500 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |

| Khuyến nghị      | Diễn giải                                              |
|------------------|--------------------------------------------------------|
| Kỳ vọng 12 tháng |                                                        |
| Mua              | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15%       |
| Nắm giữ          | Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15% |
| Bán              | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15%     |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-cong-ty>

**BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên báo cáo                                           | Chi tiết  |
|-------------------------------------------------------|-----------|
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Quý 2/2018         | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Quý 1/2018         | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Phân bón – Quý 1/2018          | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thép – Quý 1/2018              | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Quý 1/2018         | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Săm lốp – Quý 4/2017           | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Quý 2/2017           | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Quý 2/2017       | Tải xuống |
| Báo cáo triển vọng ngành 2017 - ASEANSC               | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Bất động sản – Tháng 6/2016    | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Sản xuất thép – Tháng 6/2016   | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Tháng 5/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dịch vụ du lịch – Tháng 5/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thủy sản – Tháng 4/2016        | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Tháng 4/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Khu công nghiệp – Tháng 3/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Tháng 3/2016     | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cảng biển – Tháng 3/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cao su tự nhiên – Tháng 2/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Nhiệt điện – Tháng 2/2016      | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Tháng 2/2016         | Tải xuống |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-nganh>

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| <b>Tên báo cáo</b>                                           | <b>Chi tiết</b> |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BID, CTG (25/09/2018)           | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNM, VIC, MSN, GAS (22/03/2018) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BID, CTG, VCB, MBB (21/03/2018) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LIX, LM8, LSS, MBB (18/10/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LCG, LDG, LHG, BCC (13/10/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM (25/08/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHB (23/08/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – NTL (28/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – PVD (24/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HUT (21/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VGS (20/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – KDC, KDH, KMR, KLF (18/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – IVS, ITA, ITD, KBC (17/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HT1, HTI, HVG, IDI (13/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HNG, HPG, HQC, HSG (12/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HBC, HCM, HDC, HHS (11/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HAG, HAH, HAI, HAR (10/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – FMC, FPT, GAS, GMD (06/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – EIB, ELC, FCM, FLC (05/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DPM, DQC, DRC, DXG (04/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DHM, DIC, DRH, DLG (03/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM, DCL, DCS, DIG (30/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DBC, EVE, FCN, FIT (29/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CSM, CCL, CNG, CLL (28/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CMG, CTD, CTG, CVT (26/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BMI, BVS, BVH, BTP (23/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BHS, BCG, CEO, CII (22/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – AAA, ACB, BID, BIC (21/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VTO, TNG, VIX, MBS (20/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNE, VNM, VSC, VSH (19/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VIS, VHG, VIC, VIP (16/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VCG, VGS, VND, VKC (15/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TIG, TVS, VCB, VHC (14/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TCL, TCM, TDH, TSC (13/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SVC, SCR, VNS, TLH (12/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHS, SRC, SJS, STB (09/06/2017) | Tải xuống       |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cau-phan-tich-ky-thuat>

## LỊCH SỰ KIỆN CHỨNG KHOÁN NỘI BẬT

| Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày TH    | Mã CK | Sàn   | Nội dung sự kiện                               | Giá HT | Thay đổi       |
|------------|------------|------------|-------|-------|------------------------------------------------|--------|----------------|
| 24/10/2018 | 25/10/2018 | n/a        | TNA   | HOSE  | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:139                 | 34.2   | 0.2 (0.59%)    |
| 24/10/2018 | 25/10/2018 | 24/10/2018 | SGC   | HNX   | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 85     | 0 (0%)         |
| #REF!      | 25/10/2018 | 31/10/2018 | ORS   | HNX   | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 3.1    | 0 (0%)         |
| n/a        | n/a        | 24/10/2018 | TDM   | HOSE  | Giao dịch lần đầu - 81,200,000 CP              | n/a    | n/a            |
| #REF!      | 25/10/2018 | n/a        | VLC   | UPCoM | Hợp ĐHCĐ bất thường 2018                       | 19     | 0 (0%)         |
| 24/10/2018 | 25/10/2018 | 30/11/2018 | DPR   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 3/2017 bằng tiền, 3,000 đồng/CP | 37.8   | -0.5 (-1.31%)  |
| 24/10/2018 | 25/10/2018 | 05/11/2018 | S4A   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 2/2018 bằng tiền, 1,600 đồng/CP | 28     | -0.2 (-0.71%)  |
| n/a        | n/a        | 24/10/2018 | VCP   | OTC   | Giao dịch bổ sung - 11,399,998 CP              | 30.5   | 0.8 (2.69%)    |
| n/a        | n/a        | 24/10/2018 | VCP   | UPCoM | Giao dịch bổ sung - 11,399,998 CP              | 30.5   | 0.8 (2.69%)    |
| n/a        | n/a        | 25/10/2018 | MAC   | HNX   | Giao dịch bổ sung - 720,456 CP                 | n/a    | n/a            |
| 25/10/2018 | 26/10/2018 | n/a        | HTR   | UPCoM | Hợp ĐHCĐ bất thường năm 2018                   | n/a    | n/a            |
| 25/10/2018 | 26/10/2018 | 14/11/2018 | VTX   | UPCoM | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 9.7    | 0 (0%)         |
| 26/10/2018 | 29/10/2018 | 12/11/2018 | CEN   | UPCoM | Hợp ĐHCĐ bất thường 2018                       | n/a    | n/a            |
| 26/10/2018 | 29/10/2018 | 18/11/2018 | MPT   | HNX   | Hợp ĐHCĐ bất thường 2018                       | 2.9    | 0 (0%)         |
| 26/10/2018 | 29/10/2018 | n/a        | KSD   | HNX   | Hợp ĐHCĐ bất thường năm 2018                   | 5.3    | 0 (0%)         |
| n/a        | n/a        | 28/10/2018 | BCG   | HOSE  | Giao dịch bổ sung - 3,000,000 CP               | 6.2    | 0.02 (0.32%)   |
| 29/10/2018 | 30/10/2018 | 22/11/2018 | VPK   | HOSE  | Hợp ĐHCĐ bất thường năm 2018                   | 13.8   | 0 (0%)         |
| 29/10/2018 | 30/10/2018 | 06/11/2018 | TVA   | UPCoM | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | 15     | 0 (0%)         |
| 29/10/2018 | 30/10/2018 | n/a        | TCK   | UPCoM | Hợp ĐHCĐ bất thường 2018                       | 4.6    | 0 (0%)         |
| 29/10/2018 | 30/10/2018 | 22/11/2018 | TDC   | HOSE  | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,100 đồng/CP   | 8.8    | -0.31 (-3.4%)  |
| n/a        | n/a        | 30/10/2018 | DCL   | HOSE  | Giao dịch bổ sung - 500,000 CP                 | 12     | -0.05 (-0.41%) |
| 30/10/2018 | 31/10/2018 | 15/11/2018 | SBT   | HOSE  | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018                  | 20.5   | 0.15 (0.74%)   |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, HOSE, HNX,...)

## ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG BẢN TIN VÀ KHUYẾN CÁO

Điều kiện sử dụng bản tin: Bản tin nhận định thị trường này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN cung cấp cho một bộ phận khách hàng nhất định có mở tài khoản tại Công ty. Mọi sự cung cấp khi chưa được sự đồng ý của Công ty đều bị coi là vi phạm bản quyền.

Khuyến cáo: Nội dung trong bản tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN tổng hợp và phân tích từ các nguồn thông tin đại chúng được xem là đáng tin cậy và chỉ đơn thuần phục vụ mục đích tham khảo. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ quyết định mua hay bán khi khách hàng sử dụng các thông tin trên.